

MC-Color Primer

Sơn lót gốc nước Polymer, trong suốt và tạo màng khi khô.

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM:

- Phân tán Copolymer.
- Gốc nước, trong suốt khi khô.
- Tạo màng bảo vệ.
- Củng cố bề mặt nền.
- Thoát hơi nước, tính kỵ nước.
- Chống chịu tia UV, thời tiết và kiềm.
- Thi công bằng con lăn, cọ hoặc phun sơn không khí.
- Được chứng nhận theo tiêu chuẩn EN 1504 phần 2.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG:

- Sơn lót cho các bề mặt khoáng.
- Thích hợp sử dụng trên bề mặt kiềm và trung tính.
- Có thể sử dụng trên các lớp phủ cũ.
- Được đánh giá REACH cho các kịch bản tiếp xúc: tiếp xúc nước định kỳ, hít phải định kỳ, thi công.
- Chứng nhận theo tiêu chuẩn EN 1504 phần 2 với nguyên tắc 1, quy trình 1.2.

HƯỚNG DẪN THI CÔNG:

- **Chuẩn bị bề mặt:** Đảm bảo bề mặt nền chắc chắn, sạch sẽ, không có bụi bẩn, dầu mỡ hoặc các chất gây ô nhiễm. Lực kéo bám bề mặt phải tuân thủ các quy định kỹ thuật liên quan.
- **Thi công:**
 - **MC-Color Primer** được cung cấp sẵn, cần khuấy đều trước khi sử dụng. Nên thi công liên tục và không để lại vệt bằng con lăn, cọ hoặc phun không khí.
 - Không thi công trong điều kiện mưa, độ ẩm cao, hoặc khi có nguy cơ sương giá. Lớp sơn vừa thi công cần được bảo vệ khỏi sương, mưa và sương giá.
 - Thời gian phủ lớp tiếp theo: Xem bảng “Thông số Kỹ thuật”.
 - Kháng nước mưa: Xem bảng “Thông số Kỹ thuật”.
- **Thông tin chung:**
 - Lượng tiêu thụ phụ thuộc vào tình trạng bề mặt, có thể dẫn đến tiêu thụ nhiều hoặc ít hơn khuyến nghị. Cần tuân thủ các giá trị trong bảng “Thông số Kỹ thuật”.
 - Không sử dụng **MC-Color Primer** khi mưa hoặc nhiệt độ dưới +5°C.
 - **MC-Color Primer** là sản phẩm sơn lót, nên được sử dụng cùng với các hệ thống bảo vệ bề mặt như MC-Color Flair pure, MC-Color Flair pro, MC-Color Flex pure, MC-Color Flex pro, và MC-Color Flex vision.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Đặc tính	Đơn vị	Thông số	Ghi chú
Tỷ trọng	kg/dm ³	1	
Điều kiện thi công	°C	$\geq 5 \leq 30$	Nhiệt độ không khí, chất nền và vật liệu
	%	< 85	Độ ẩm tương đối
	K	3	Trên điểm tụ sương
Độ nhớt	mPa.s	960 - 1,440	Haake E30 1/22.6 s
Định mức tiêu thụ 1)	ml/m ²	Khoảng 100 – 150	Cho bê tông thông thường, chất độn mịn, sơn cũ, tấm xi măng sợi
		Khoảng 500 - 600	Cho bê tông khí, gạch cát-vôi
Thời gian phủ tiếp theo	phút	Khoảng 60	Với bề mặt hút nước
	giờ	Khoảng 4	Với bề mặt không hút nước
Có khả năng chống mưa sau	giờ	4 - 6	
Khô bề mặt sau	phút	Khoảng 60	

Thông số kỹ thuật đo trong điều kiện phòng thí nghiệm 21°C ±2°C, độ ẩm tương đối 50%.

1) Định mức tiêu thụ phụ thuộc vào độ không thấm, khả năng hấp thụ và loại chất nền. Để xác định lượng tiêu thụ cụ thể của từng đối tượng, nên tạo các khu vực thử nghiệm.

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Đóng gói	Thùng 10L.
Lưu trữ	Có thể bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát ít nhất 12 tháng trong bao bì chưa mở. Tránh xa sương giá.
Tuân thủ Quy định EU 2004/42 (Hướng dẫn Decopaint)	RL2004/42/EG All/j (40 g/l) ≤ 40 g/l VOC.
Xử lý bao bì	Đảm bảo thùng đã sử dụng hết trước khi thải bỏ.

Lưu ý: Thông tin trong tài liệu này dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và chính xác theo những gì chúng tôi biết. Tuy nhiên, không có sự ràng buộc. Có thể điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu riêng biệt, ứng dụng cụ thể và đặc biệt là phù hợp với quy định địa phương. Dữ liệu của chúng tôi sử dụng các quy tắc kỹ thuật đã được chấp nhận, phải được tuân thủ trong quá trình áp dụng. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu này trong phạm vi tiêu chuẩn công bố và áp dụng vào điều kiện bán hàng-chuyển giao-và-cung cấp dịch vụ của chúng tôi. Các khuyến nghị của nhân viên khác với dữ liệu trong bảng thông tin của chúng tôi chỉ có giá trị ràng buộc nếu được đưa ra dưới dạng văn bản. Phải đảm bảo luôn tuân thủ các quy tắc kỹ thuật được chấp nhận nói chung.

Phát hành 01/2024. Một số thay đổi kỹ thuật đã được thực hiện đối với bản in này. Các phiên bản cũ hơn đã bị vô hiệu và không được sử dụng nữa.